Họ tên	Bộ phận	1	2	5	15	16	19	20	21	22	23	26	27	28	29	Tổng
VỪ Y KHÙA	Phòng TCHC							6.95	9.25	5.67	5.1	9.3	5.67	8.12	7.82	**6.09**
VI THỊ THANH	Phòng TCHC	8.55	8.63								8.58	8.83	8.38	8.63	8.18	**7**
Phòng TCHC Count	2															
LÔ VĂN THƯƠNG	Phòng TCKT	7.95				7.55	7.95	7.95	7.93	7.98	7.63	7.37	5.12	7.5		**7.9**
NGUYỄN THỊ HÀ	Phòng TCKT		8.6		7.67	8.02	8.63	8.63	7.95	8.58	3.92	7.72	5.65	8.73	8.28	**9.72**
VÕ THỊ HÀ	Phòng TCKT	8.27	8.42			7.83	8.57	8.35		8.1	6.98	8.07			8.1	**7.65**
Phòng TCKT Count	3															
ĐỖ THỊ TÂM	Phòng KHTH	8.65	8.78		7.58	8.5	8.38				2.6	8.53	8.92	8.55	3.98	**7.83**
NGUYỄN SỸ HOÀNG	Phòng KHTH	8.23	5.28				8.32	8.15	8.38			4.92	8.77	8.05	8.4	**7.22**
KHA VĂN KHĂM	Phòng KHTH	8.15	8.58		8.12	7.65							7.63	8.4	8.23	**5.97**
KHA THỊ THẢO	Phòng KHTH	7.98	8.92		5.17	3.68	8.67	8.57	5.12	8.7	7.33	8.05	7.73	7.5	8.4	**10.1**
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	Phòng KHTH	7.8	7.82		3.38	8.27	8.57	8.3	3.92			5.2	8.73	8.07	8.1	**8.22**
VI THỊ HIỀN	Phòng KHTH		8.87		8.22	8.37	8.47	8.47	8.13	8.67	8.12	8.52	8.5	8.38	8.23	**10.6**
CỬ Y NHÌA	Phòng KHTH	8.13	8.52		2.53	8.37	7.77	8.92	8.97	8.53	3.35	7.9	8.63	8.28	8.25	**10.6**
Phòng KHTH Count	7															
MOONG THỊ THẮM	BAN GIÁM ĐỐC	7.45	8.05	5.32	6.55	7.65		8.4	8.25	8.27	7.88	8.2	8.18	2.97	3	**9.49**
SẦM VĂN HẢI	BAN GIÁM ĐỐC		8.32				8.25	4.17			8.25				8.33	**3.94**
BAN GIÁM ĐỐC Count	2															
Grand Count	14															